

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn
2. Bà Đào Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 842/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 600A/2020/QĐ-ST ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: số 506, ấp Long Thạnh 1, xã L.G, huyện C.M, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: số 198, ấp Long Thạnh 2, xã L.G, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: số 506, ấp Long Thạnh 1, xã L.G, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Lê Văn L quen biết, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cả hai chung sống hạnh phúc thì đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn với lý do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và sống ly thân cho đến nay. Do tình cảm không còn nên bà M xin ly hôn với ông Lê Văn L;

Về quan hệ con chung: Có 03 con chung tên Lê Văn L1, sinh năm 1991, Lê Văn Th, sinh năm 1994 và Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1996 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập các bên đến phiên họp hòa giải mục đích động viên bà M, ông L hàn gắn những bất đồng mâu thuẫn, chung sống với nhau nhưng các bên không thống nhất được. Ngày 24/11/2020, ông Lê Văn L có tờ tự khai xác định vợ chồng đi đến hôn nhân vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Có 03 con chung như lời trình bày của bà M nhưng đều thành niên. Do còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bị đơn, bị đơn Lê Văn L xác định do không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về “*Ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Giang, huyện Chợ Mới nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L quen biết trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, chung sống từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, bà M khởi kiện xin ly hôn với ông L. Do đó, đây là trường hợp hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L đều xác định ông, bà không có đăng ký kết hôn theo quy định. Từ thời điểm chung sống với nhau từ năm 1990, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì mâu thuẫn, do phát sinh bất đồng, tình cảm không thể hàn gắn, đã ly thân trong một khoảng thời gian dài. Cuộc sống bà M, ông L không còn mục đích xây dựng gia đình mà ở đó có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau về vật chất lẫn tinh thần.

Tuy ông Lê Văn L có bản tự khai không đồng ý với yêu cầu của bà M, nhưng trên cơ sở lời khai các bên cung cấp có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông L, bà M là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ; các bên xác

định không đăng ký kết hôn theo quy định và tại phiên tòa ông L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Do các bên không đăng ký kết hôn nên cần thiết Hội đồng xét xử, không công nhận bà M và ông L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 03 con chung đã thành niên nên không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: 03 con chung đều đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013763 ngày 28/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, bà M đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Văn L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

